

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Liên

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Ông M Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2277/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

- Anh **Dương Quốc C**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Số S, tổ X, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Số S1, tổ X1, khu phố Y1, phường T, thành phố B, tỉnh

Đồng Nai

- Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Đội X2, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Số S1, tổ X1, khu phố Y1, phường T, thành phố B, tỉnh

Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Quốc C trình bày : Anh và chị M xây dựng gia đình vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2016 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong suy nghĩ, không hiểu hết tính cách của nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã giận hờn, anh đã cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài chị M không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay anh xin ly hôn với chị M để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Quốc C.

Về con chung: Không có nên không xét.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Quốc C xin ly hôn với chị Lê Thị M, chị M là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Chị Lê Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2016 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong suy nghĩ, không hiểu hết tính cách của nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã giận hờn, anh đã cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài chị M không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay anh xin ly hôn với chị M để trả tự do cho nhau.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần mời chị M đến Tòa án làm việc nhưng chị M không đến chứng tỏ chị đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 13/11/2020 bà Thân Thị B1 là mẹ ruột anh C, cùng sống chung với vợ chồng anh C xác định cuộc sống vợ chồng anh C, chị M hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình anh chị không hoà hợp, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2020.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh C, chị M có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, chị M không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh C cho anh C được ly hôn với chị M để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Anh C khai anh C và chị M không có con chung.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của chị M về tài sản và nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Dương Quốc C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Quốc C, xử cho anh C được ly hôn chị Lê Thị M.

2. **Về con chung:** Đương sự khai không có nên không xem xét.

3. **Về tài sản chung, nợ chung :** giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. **Về án phí:** Anh Dương Quốc C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007124 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Anh Dương Quốc C, chị Lê Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Hà Vân